

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HỢP THANH

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM
HƯỚNG DẪN ÔN THI HỌC SINH GIỎI LỚP 12 PHẦN SỬ DỤNG
ATLAT ĐỊA LÍ VIỆT NAM CHUYÊN ĐỀ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN.

Môn/ lĩnh vực: **Địa Lí**

Cấp học : **THPT**

Tác giả: **ĐỖ THỊ LIÊM**

Đơn vị công tác: **Trường THPT Hợp Thanh**

Chức vụ: **Giáo viên**

Năm học 2023 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng Khoa học ngành Giáo dục và Đào tạo

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
ĐỖ THỊ LIÊM	24/04/1987	THPT Hợp Thanh	Giáo viên	Cử nhân sư phạm	“Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam chuyên đề Địa lí tự nhiên ”

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Địa lí
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn) 01/10/2021
- Mô tả bản chất của sáng kiến: Atlas được coi như quyển sách giáo khoa trong dạy và học địa lí .Đặc biệt là khi học sinh thi học sinh giỏi cấp thành phố lớp 12 thì nội dung kiến thức phần Atlas khá nhiều, vì vậy từ kinh nghiệm ôn thi học sinh giỏi và dạy địa lí cấp THPT của mình tôi viết sáng kiến” Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam”, để giúp các em có tài liệu trong quá trình ôn tập.
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:
- Học sinh lớp 12a5 năm học 2021-2022, đặc biệt 2 học sinh thi thành phố là em VŨ THẢO VÂN và em ĐỖ THỊ HƯƠNG QUẾ.
- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả : Sau khi thực hiện sáng kiến tôi nhận thấy học sinh có sự tích cực , chủ động hơn trong học tập, kết quả học tập được nâng cao, kết quả thi tốt nghiệp lớp 12 môn địa lí của lớp 12a5 sĩ số lớp là 39 học sinh điểm trung bình môn địa lí là 7,51. Hai học sinh thi học sinh giỏi cấp thành phố lớp 12 1 em đạt giải Nhì, 1 em đạt giải Ba trong năm học 2021-2022.
- Đánh giá lợi ích thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có: (So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở)

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Mỹ Đức ngày 25 tháng 02 năm 2024
Người nộp đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐỖ THỊ LIÊM

THPT HỢP THANH
HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: Đỗ Thị Liêm
Tên đề tài: Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phân sự
dùng At lat mà li viết Nam chuyên đề đại li' từ nhân Linh vực... địa li'

STT	Tiêu chuẩn	Điểm SKKN
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
Nhận xét: <u>Đề tài đã đưa ra cải tiến và áp dụng có hiệu quả các sa</u> <u>và các đề tài sử dụng At lat trước đây</u>		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	30
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét: <u>Có khả năng áp dụng tốt trong ngành hoặc rộng hơn</u>		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	30
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét: <u>Đã đạt hiệu quả rõ rệt qua kì thi HSG cấp</u> <u>thành phố</u>		
4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét: <u>Mức bày khoa học đúng quy định</u>		
Tổng cộng: 90		

Đánh giá: ☒ Đạt (≥ 70 điểm) ☐ Không đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ



Nguyễn Khắc Thuật

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Mục đích của đề tài	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	1
4. Phương pháp nghiên cứu	2
PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.....	3
1. Cơ sở lí luận.....	3
2. Thực trạng vấn đề “Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên ”.	3
3. Giải pháp đối với vấn đề “ Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên”	4
3.1. Yêu cầu	4
3.2. Quy trình khai thác kiến thức từ Atlas.....	4
4. Một số câu hỏi cụ thể hướng dẫn khai thác kiến thức từ Atlas địa lí Việt Nam theo chuyên đề địa lí tự nhiên.	5
4.1. Vị trí địa lí và lãnh thổ.....	5
4.2. Địa hình.....	7
4.4. Khí hậu.....	10
4.5. Sông ngòi	13
4.6. Các nhóm và các loại đất chính	14
4.7. Sinh vật	15
5. Kết quả của sáng kiến	17
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	18
1. Kết luận	18
2. Ý kiến đề xuất	18

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Atlas địa lí Việt Nam được coi là quyển sách giáo khoa thứ 2 trong dạy và học địa lí, được xây dựng dựa trên chương trình địa lí Việt Nam, nó diễn giải các vấn đề địa lí tự nhiên, kinh tế, xã hội. Atlas địa lí Việt Nam cũng được coi là “tài liệu” duy nhất học sinh được sử dụng trong tất cả các kỳ thi, từ thi học kỳ, thi học sinh giỏi các cấp đến thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh đại học, cao đẳng. Vì vậy, sử dụng thành thạo và khai thác kiến thức được từ Atlas địa lí Việt Nam sẽ giúp ích rất nhiều cho các em học sinh trong quá trình học tập và thi cử.

Đã có nhiều tài liệu, cẩm nang hướng dẫn sử dụng Atlas địa lí Việt Nam, có nhiều sáng kiến kinh nghiệm viết về việc sử dụng Atlas địa lí Việt Nam trong dạy học, kiểm tra đánh giá môn Địa Lí. Đồng thời trong quá trình ôn thi học sinh giỏi tôi còn nhận thấy trong cấu trúc đề thi học sinh giỏi cấp thành phố thì cơ cấu điểm của phần câu hỏi Atlas là khá cao. Nên việc học sinh vận dụng thành thạo, các kỹ năng sử dụng Atlas trong làm bài thi đóng vai trò rất quan trọng.

Bên cạnh đó Atlas địa lí Việt Nam còn là phương tiện trực quan, cùng với SGK là nguồn cung cấp kiến thức, thông tin tổng hợp và hệ thống giúp giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, hỗ trợ học sinh tự học, tự nghiên cứu.

Chính vì những lí do trên tôi lựa chọn đề tài **“Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên”**.

2. Mục đích của đề tài

- Góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân.
- Đề trao đổi kinh nghiệm với đồng nghiệp.
- Hình thành kĩ năng cho học sinh trong khai thác kiến thức từ kênh hình.
- Giúp nâng cao hiệu quả trong công tác bồi dưỡng HSG.
- Làm tài liệu trong ôn thi cho học sinh lớp 12 thi tốt nghiệp THPT .

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Học sinh lớp 12A5 trong đội tuyển học sinh giỏi môn Địa Lí trường THPT Hợp Thanh năm học 2021-2022. Gồm các em:

- Vũ Thảo Vân lớp 12A5.
- Đỗ Thị Hương Quế lớp 12A5.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu đề tài này tôi chủ yếu sử dụng phương pháp tổng kết kinh nghiệm từ thực tiễn dạy học, ngoài ra tôi còn sử dụng một số phương pháp sau:

- Phương pháp thu thập tài liệu.
- Phương pháp phân tích, tổng hợp.
- Phương pháp điều tra, quan sát.
- Phương pháp thực nghiệm.
- Phương pháp thống kê.

PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Cơ sở lý luận

Atlas tiếng Hy Lạp cổ: là thuật ngữ dùng để chỉ một tập bản đồ, Atlas địa lí Việt Nam là một hệ thống hoàn chỉnh các bản đồ có nội dung liên quan hữu cơ với nhau và bổ sung cho nhau, được sắp xếp theo trình tự của chương trình và nội dung SGK với ba phần chính: địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội và địa lí các vùng.

Vậy “**Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên**” chính là cho các em thực hành nhiều đề các em có khả năng khai thác kiến thức địa lí từ bản đồ trên cơ sở cùng với kiến thức lý thuyết các em được trang bị trên lớp trong chương trình SGK Địa Lí mà các em được học.

2. Thực trạng vấn đề “**Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên**”.

Qua thực tiễn giảng dạy ở bậc THPT tôi thấy:

Atlas địa lí Việt Nam đã được các thầy cô thực sự quan tâm hướng dẫn học sinh sử dụng, nên đối với các kì thi HSG hay các kì thi định kì việc khai thác Atlas địa lí Việt Nam học sinh đã biết sử dụng Atlas, nhưng mức độ thành thạo và khả năng vận dụng của mỗi em khác nhau. Đặc biệt trong kì thi học sinh giỏi không những đòi hỏi các em phải sử dụng thành thạo mà còn phải biết vận dụng, và đọc được mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí trên bản đồ.

Qua kết quả điều tra khảo sát “thực trạng trước khi hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức từ Atlas địa lí Việt Nam” của 2 học sinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi lớp 12A5 năm học 2021-2022 tại nơi tôi đang giảng dạy cho thấy:

- + 100% các em được hỏi đã biết cuốn Atlas địa lí Việt Nam,
- + 100% các em sử dụng thường xuyên trong học tập môn Địa Lí phần địa lí Việt Nam
- + 100% các em đã sử dụng thành thạo atlas ở mức độ 1(đơn giản): Học sinh chỉ cần đọc kĩ chú giải, tìm và xác định đối tượng trên bản đồ.
- + 1/3 số học sinh đã biết sử dụng atlas ở mức độ 2: Học sinh cần dựa vào màu sắc, kí hiệu, ước hiệu để tìm ra những đặc điểm không thể hiện trực tiếp trên bản đồ.
- + 100% các em cảm thấy khó, còn lúng túng trong việc cần phải kết hợp nhiều bản đồ và những kiến thức liên quan, đồng thời giải thích các hiện tượng địa lí được thể hiện trên Atlas.

3. Giải pháp đối với vấn đề “ Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlat địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên”

3.1. Yêu cầu

Để có thể khai thác tốt Atlat trước hết cần nắm vững nội dung của nó. Đây là khâu quan trọng, là điều kiện “cần” để đạt kết quả cao trong các kì thi. Cụ thể:

Thứ nhất: nắm vững nội dung, cấu trúc của Atlat gồm 3 phần:

+ Phần thứ nhất: Địa lí tự nhiên (gồm các thành phần của tự nhiên như địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật, khoáng sản và 3 miền tự nhiên).

+ Phần thứ hai: Địa lí kinh tế - xã hội (gồm địa lí dân cư - dân tộc, địa lí các ngành kinh tế).

+ Phần thứ ba: Địa lí các vùng kinh tế(bao gồm 7 vùng kinh tế, và các vùng kinh tế trọng điểm).

Trong đó cả 3 phần đều được sắp xếp theo trình tự chương trình và nội dung sách giáo khoa.

Thứ hai: nắm vững nội dung từng trang Atlat.

Thứ ba: thuộc chú giải gồm: chú giải mỗi trang và chú giải chung cho cả tập Atlat (trang 3)

Thứ tư: Có thể trả lời được các câu hỏi vận dụng, giải thích được các hiện tượng địa lí học tập và đời sống.

3.2. Quy trình khai thác kiến thức từ Atlat

Đối với các câu hỏi liên quan đến Atlat địa lí Việt Nam, quy trình khai thác về đại thể bao gồm 3 bước sau đây:

Bước 1: Tái hiện kiến thức đã có, về bản chất có thể coi Atlat địa lí Việt Nam là một cuốn SGK Địa Lí Việt Nam được thể hiện bằng kênh hình (chủ yếu là bản đồ). Vì thế, các câu hỏi khai thác Atlat địa lí Việt Nam gắn liền với kiến thức trong SGK Địa Lí.

Bước 2: Tìm các trang thích hợp với yêu cầu câu hỏi: Có thể chỉ cần một trang là đủ để trả lời hoặc kết hợp nhiều trang để trả lời.

Bước 3: Trả lời được các câu hỏi vận dụng, giải thích các hiện tượng địa lí trong học tập và đời sống (kết hợp giữa kiến thức đã có trong SGK và Atlat). Có thể kết hợp nhiều trang Atlat để trả lời các câu hỏi vận dụng, giải thích.

Trên đây là những yêu cầu và quy trình khai thác Atlat chung nhất cho mọi đối tượng học sinh và mọi chuyên đề khai thác kiến thức từ Atlat cần đạt được. Tuy nhiên trong phạm vi đề tài tôi đi sâu vào hướng dẫn học sinh khai thác chuyên đề **địa lí tự nhiên**, để phục vụ cho mục đích ôn thi học sinh giỏi. Với mục đích này

học sinh không chỉ cần có kĩ năng ở bước 1 mà còn cần thành thạo cả bước 2 và 3 trong quy trình khai thác Atlas.

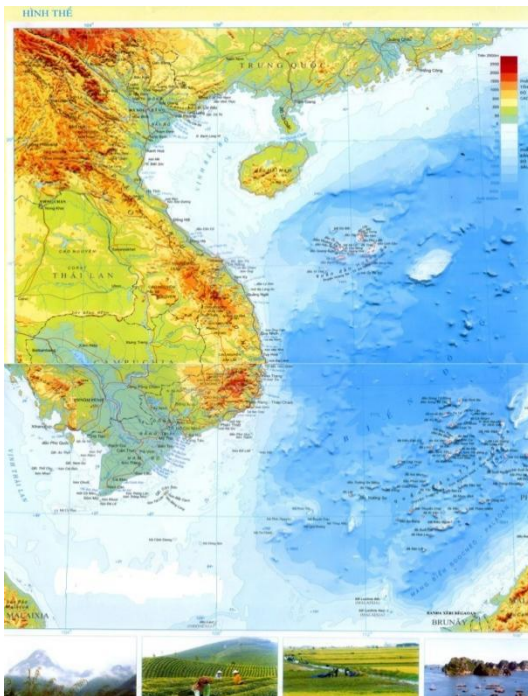
4. Một số câu hỏi cụ thể hướng dẫn khai thác kiến thức từ Atlas địa lí Việt Nam theo chuyên đề địa lí tự nhiên.

Qua kết quả điều tra thực nghiệm tôi nhận thấy cả 02 học sinh trong đội tuyển HSG việc sử dụng Atlas đã đạt được mức độ 1, nên trong quá trình ôn tập tôi không những hướng dẫn học sinh ghi nhớ, khắc sâu kiến thức cơ bản ở bước 1 mà chú trọng hướng dẫn học sinh đi trả lời các câu hỏi mang tính vận dụng, giải thích.

Sau đây là một số câu hỏi vừa củng cố kiến thức cơ bản vừa mang tính vận dụng để học sinh có kiến thức, vững vàng bước vào kì thi HSG.

4.1. Vị trí địa lí và lãnh thổ.

- Đối với yêu cầu của nội dung vị trí địa lí và lãnh thổ HS phải nắm được kiến thức cơ bản, trả lời được câu hỏi (nằm ở đâu? hệ tọa độ địa lí? múi giờ? lãnh thổ gồm những bộ phận nào?)
- Ngoài kiến thức cơ bản khai thác atlas ở mức độ 1, HS còn phải khai thác được từ Atlas những câu hỏi vận dụng.



Atlas địa lí trang 6-7: Hình thể

Câu hỏi: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học hãy nêu đặc điểm vị trí địa lí của nước ta và ảnh hưởng của nó đến đặc điểm tự nhiên cũng như phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng ở nước ta?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trang Atlas sử dụng: trang 4 + 5 và trang 6 + 7 cùng với kết hợp kiến thức lí thuyết bài 2 SGK – Địa Lí 12

Đặc điểm:

- Lãnh thổ toàn vẹn của nước ta bao gồm 3 bộ phận: vùng đất, vùng trời, vùng biển. Phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta có đặc điểm:
- Nằm ở rìa đông nam của lục địa Á – Âu (quan sát bản đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á ở trang 4 hoặc sử dụng bản đồ “Ngoại thương” ở trang 24),

phía bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào và Cam-pu-chia, phía đông, đông nam giáp Biển Đông.

- Giới hạn hệ tọa độ:

+ Điểm cực Bắc: tại Lũng Cú (tỉnh Hà Giang). Có thể chi tiết hơn là tại vĩ tuyến $23^{\circ}23'B$ tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

+ Điểm cực Nam: tại Xóm Mũi (tỉnh Cà Mau). Có thể chi tiết hơn là tại vĩ tuyến $8^{\circ}34'B$ tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

+ Điểm cực Đông: tại mũi Đại Lãnh thuộc bán đảo Hòn Gốm (tỉnh Khánh Hòa). Có thể chi tiết hơn là tại kinh tuyến $109^{\circ}24'E$ tại xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

+ Điểm cực Tây: tại Apachải (tỉnh Điện Biên). Có thể chi tiết hơn là tại kinh tuyến $102^{\circ}09'E$ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

- Đường bờ biển nước ta cong hình chữ S dài 3260 km chạy từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang), tạo điều kiện cho 28/63 tỉnh, thành phố ở nước ta có điều kiện trực tiếp khai thác tiềm năng của Biển Đông.

- Vùng biển nước ta bao gồm vùng nước nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Vùng biển thuộc chủ quyền nước ta rộng khoảng 1 triệu km^2 .

- Nước ta có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ phần lớn là các đảo ven bờ và có hai quần đảo ở ngoài khơi trên biển Đông là quần đảo Hoàng Sa (thuộc Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc Khánh Hòa).

Ảnh hưởng:

**** Thuận lợi***

- Đối với tự nhiên

+ Nước ta nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới nửa cầu Bắc do đó thiên nhiên nước ta mang đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, với nền nhiệt, ẩm cao.

+ Nằm trong khu vực gió mùa châu Á, nên khí hậu nước ta có hai mùa rõ rệt: mùa hạ nóng, mưa nhiều, mùa đông bớt nóng và khô.

+ Nước ta giáp biển Đông là nguồn dự trữ dồi dào về nhiệt, ẩm;

+ Nước ta nằm ở nơi giao nhau giữa hai vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú. Đây là cơ sở để phát triển một nền công nghiệp đa ngành.

+ Nước ta cũng nằm ở nơi giao thoa giữa các luồng di cư của các loài động, thực vật thuộc các hệ sinh vật khác nhau khiến tài nguyên sinh vật nước ta rất phong phú.

+ Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đã tạo nên sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta thành các vùng tự nhiên khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam, giữa đồng bằng với miền núi, giữa ven biển và hải đảo.

- Đối với việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng

+ Về kinh tế: Nước ta nằm ở ngã tư đường hàng hải, hàng không quốc tế, đầu mút của tuyến đường bộ xuyên Á nên nước ta có điều kiện phát triển nhiều loại hình giao thông, thuận lợi cho việc phát triển quan hệ ngoại thương với các nước trong và ngoài khu vực. Việt Nam còn là cửa ngõ mở lối ra biển của Lào, Đông Bắc Thái Lan, Cam-pu-chia và Tây Nam Trung Quốc.

Vị trí này có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ, tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút đầu tư nước ngoài.

+ Về văn hóa – xã hội: Nước ta nằm ở nơi giao thoa giữa các nền văn hóa khác nhau, nên có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa, xã hội với các nước trong khu vực, điều đó góp phần làm giàu bản sắc văn hóa nước ta.

+ Về chính trị và quốc phòng: Nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng của khu vực Đông Nam Á – một khu vực kinh tế năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới. Biển Đông nước ta là một hướng chiến lược có ý nghĩa sống còn trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

*** Khó khăn**

- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thiếu ổn định, sự phân mùa của khí hậu và thủy văn, tính thất thường của thời tiết, các tai biến thiên nhiên (bão, lũ, hạn hán, sâu bệnh...) thường xuyên xảy ra gây thiệt hại đến sản xuất và đời sống.

- Nước ta có đường biên giới trên bộ và trên biển kéo dài, có biển Đông chung với nhiều nước, vì thế việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ cần hết sức chú trọng.

- Sự năng động của các nước trong và ngoài khu vực đã đặt nước ta đặt nước ta vào một tình thế vừa hợp tác cùng phát triển, vừa phải cạnh tranh quyết liệt trong điều kiện kinh tế nước ta còn chậm phát triển.

4.2. Địa hình

Đối với nội dung này yêu cầu HS kết hợp kiến thức SGK bài 6 và 7 và kết hợp với Atlat trang 6 và 7 ghi nhớ được kiến thức cơ bản :

- Đặc điểm địa hình

- Sự phân hóa : các kiểu địa hình dựa vào màu sắc trên bản đồ(núi, cao nguyên, đồi, đồng bằng, các kiểu địa hình bờ biển) các miền địa lí tự nhiên.

Đồng thời hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi vận dụng, giải thích.

Câu hỏi: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trình bày đặc điểm địa hình vùng đồi núi nước ta, chứng minh địa hình có tác động lớn tới khí hậu vùng đồi núi nước ta?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trang Atlas sử dụng: trang 6,7,9 cùng với kết hợp kiến thức lí thuyết bài 6+ 7 và bài 10 thiên nhiên phân hóa đa dạng SGK – Địa Lí 12

- Khái quát:

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm, lượng mưa nước ta phong phú 1500-2000mm.

+ Địa hình là nhân tố quan trọng tham gia vào sự phân hóa phức tạp của lượng mưa.

+ Khái quát đặc điểm địa hình.

- Ảnh hưởng đến lượng mưa

+ Lượng mưa bị chi phối bởi độ cao, hướng núi và hướng sườn địa hình

+ Lượng mưa trung bình năm lớn nhất ở các vùng núi cao trên 2000m như Bạch Mã, Ngọc Lĩnh...

+ Hướng núi ở nước ta phần lớn theo hướng tây bắc – đông nam, nên tùy theo mùa gió mà có sườn đón gió và khuất gió, gây ra lượng mưa khác nhau ở mỗi sườn theo mùa.

+ Các dãy núi chạy ngang ra biển: Hoàng Sơn, Bạch Mã, Vọng Phu cho mùa đông các vùng này có mưa ở sườn bắc, mùa hạ mưa ở sườn nam.

+ Các dãy núi ở cực Nam Trung Bộ song song với cả 2 mùa gió không mang lại mưa cho vùng Ninh Thuận, Bình Thuận – mưa thấp dưới 800mm.

Đồng bằng do ít khác biệt về độ cao, nên địa hình không chi phối sự phân hóa lãnh thổ của lượng mưa.

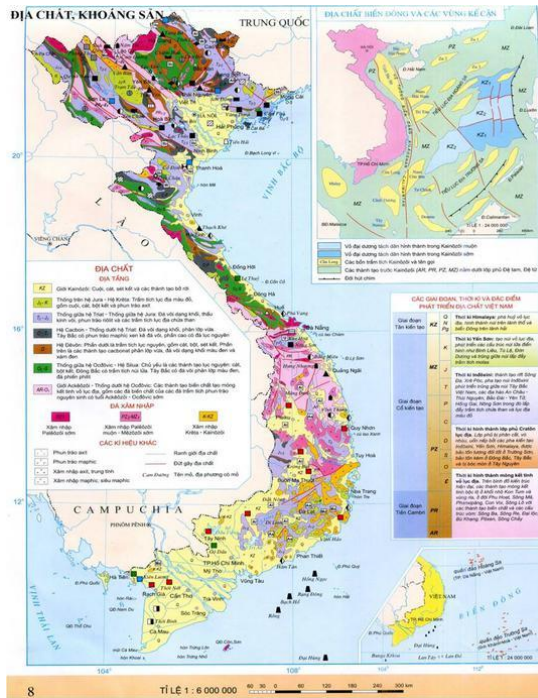
4.3. Khoáng sản.

Dựa vào Atlas địa lí trang 8 :

- Thấy được sự đa dạng của khoáng sản(năng lượng, kim loại, phi kim loại)

- Khoáng sản tập trung chủ yếu ở đâu?(Như TD và MNPB, BTB).

Từ đó đưa ra cho HS câu hỏi mang tính vận dụng, đòi hỏi HS phải vận dụng nhiều bản đồ để giải thích hiện tượng địa lí.



Atlas địa lí trang 8: Địa chất khoáng sản

- **Vị trí địa lí:** nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên tài nguyên khoáng sản phong phú.

- **Phân bố tài nguyên khoáng sản ảnh hưởng tới phân bố công nghiệp trọng điểm:**

+ Khoáng sản nhiên liệu: than, dầu, khí thuận lợi phát triển công nghiệp năng lượng, hóa chất.

Than: phân bố chủ yếu ở vùng than Quảng Ninh với trữ lượng và chất lượng tốt nhất cả nước. Tại đây đã hình thành nhiều nhà máy nhiệt điện lớn như Phả Lại, Uông Bí, Na Dương gắn với các mỏ than.

Dầu, khí: phân bố chủ yếu ở thềm lục địa phía Nam, là cơ sở để hình thành xí nghiệp lọc hóa dầu Dung Quất, các nhà máy nhiệt điện chạy bằng khí như Phú Mỹ - Cà Mau, Bà Rịa; công nghiệp hóa chất cũng phát triển mạnh ở các trung tâm công nghiệp thuộc Đông Nam Bộ.

+ Khoáng sản kim loại: sắt, mangan, crom, thiếc, chì –kẽm... thuận lợi phát triển công nghiệp luyện kim đen, luyện kim màu. Các mỏ sắt, thiếc, đồng, chì –kẽm... tập trung chủ yếu ở vùng Trung du miền núi phía Bắc, tại đây đã hình thành và phát triển mạnh ngành luyện kim với nhiều điểm công nghiệp như Thái Nguyên (sắt), Tuyên Quang, Cao Bằng (thiếc)...

Câu hỏi: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích tại sao Việt Nam có tài nguyên khoáng sản phong phú? Lấy ví dụ chứng minh sự phân bố tài nguyên khoáng sản ảnh hưởng tới phân bố một số ngành công nghiệp trọng điểm?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trang Atlas sử dụng: trang 6, trang 8, trang 22 cùng với kết hợp kiến thức đã học để trả lời câu hỏi:

+ Khoáng sản phi kim thuận lợi phát triển công nghiệp hóa chất. Các mỏ phi kim: apatit (Lào Cai), pirit (Việt Trì, Huế) thuận lợi tại đây đã phát triển các nhà máy hóa chất như sản xuất phân bón Lâm Thao (Việt Trì)..

+ Vật liệu xây dựng thuận lợi phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng: như nhà máy xi măng Bỉm Sơn (Thanh Hóa), xi măng Hoàng Mai (Nghệ An)...

4.4. Khí hậu

Đối với bản đồ khí hậu được thiết kế với 7 bản đồ có thể sử dụng phối hợp với nhau đây là một bản đồ khó với đa số học sinh. Bản đồ khí hậu đòi hỏi học sinh không chỉ đọc được các yếu tố địa lí có sẵn trên bản đồ mà còn phải biết vận dụng, kết hợp nhiều bản đồ để giải thích các hiện tượng địa lí tự nhiên. Trước hết hướng dẫn HS nắm được nội dung cơ bản của atlas trang 9 như sau:

*** Trên bản đồ khí hậu chung thể hiện:**

- Các yếu tố khí tượng và các miền khí hậu: miền khí hậu được kí hiệu bằng phương pháp nền chất lượng, mỗi miền khí hậu gắn với một màu với đặc điểm khác nhau về:

+ Phạm vi(Các miền, các vùng khí hậu).

+ Nhiệt độ: nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất, biên độ

+ Độ ẩm, lượng mưa: phân hóa mùa

+ Gió và bão của mỗi miền...

- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa: các yếu tố nhiệt độ và lượng mưa kết hợp trên cùng một biểu đồ và các biểu đồ này được đặt vào vị trí các đài trạm lựa chọn tiêu biểu cho từng miền khí hậu, từ đó xác định được đặc điểm khí hậu riêng của từng vùng.

- Chế độ gió, (tần xuất, hướng gió): thể hiện các loại gió theo màu sắc và hình dạng, kích thước của vector. Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với hai loại gió mùa rất đặc trưng.

+ Gió mùa mùa Hạ: Có tính chất nóng ẩm, đem nhiều mưa đến cho nước ta. Cả 2 loại gió này đều có tính chất nóng ẩm, thổi cùng hướng Tây Nam vào VN tạo nên gió mùa mùa hạ. Riêng khu vực Bắc Bộ gió mùa hạ có hướng Đông Nam là do địa hình và áp thấp Bắc Bộ hút làm cho gió đổi hướng. Trong mùa hạ còn có gió Phơn Tây Nam , tính chất khô, nóng hoạt động mạnh ở miền Trung và Tây Bắc vào các tháng 6,7,8. Đây là loại gió mùa Tây Nam nóng ẩm vượt qua núi gây ra hiện tượng Phơn.

+ Gió mùa mùa đông: Khối khí cực đới có nguồn gốc từ áp cao Xibia qua lãnh thổ Trung Quốc di chuyển theo hướng Đông Bắc vào VN hoạt động mạnh

vào nửa đầu mùa đông đem theo không khí lạnh và khô, gọi là khối khí cực đới biến tính qua đất liền. Hướng Đông Bắc qua biển Nam Trung Hoa, vịnh Bắc Bộ vào VN gây nên dạng thời tiết lạnh ẩm, mưa phùn, hoạt động mạnh vào nửa sau mùa đông, gọi là khối khí cực đới biến tính qua biển.

Kết luận: Cả 2 hướng gió trên tạo nên thời tiết đặc biệt cho mùa đông miền Bắc: Từ 16°B trở vào Nam cũng có hướng Đông Bắc, nhưng chủ yếu là gió Tín phong Bắc bán cầu, gió này hoạt động mạnh vào mùa đông gây nên dạng thời tiết hanh khô cho mùa đông Nam Bộ. Gió Tín phong Bắc bán cầu, frong cực và dải hội tụ nội chí tuyến lại là nguyên nhân gây mưa chính cho DHMT vào mùa thu đông

+ *Hoa gió*: là loại biểu đồ định vị với các đường màu xanh, đỏ có độ dài ngắn khác nhau biểu hiện cho các loại gió về cường độ (*mạnh, yếu*), tính chất (*nóng, lạnh*), hướng và tần suất hoạt động (10-25%, 25-50%, >50%). Đường mũi tên biểu thị các loại gió mùa về hướng, tính chất và thời gian hoạt động.

- Chế độ bão: Bão thường xuất phát từ biển tây Thái Bình Dương hay từ biển Đông. Mùa bão từ tháng 6 đến tháng 12, bình quân hàng năm có từ 9 – 10 cơn bão đổ bộ vào VN.

+ Mùa bão có xu hướng chậm dần từ Bắc vào Nam, tháng 6 -7 đổ bộ vào Bắc Bộ, tần suất 0,3 – 1 cơn bão/tháng, sau đó lùi dần xuống phía nam khu vực Ninh Bình – Thanh Hóa vào tháng 8, tần suất 1 – 1,3 cơn bão/tháng.

+ Khu vực hoạt động mạnh nhất vào tháng 9 là Bắc Trung Bộ, tần suất lên tới 1,3 – 1,7 cơn bão/tháng. Sau đó giảm dần, tần suất chỉ còn 1 – 1,3 cơn bão/tháng vào Huế, Đà Nẵng tháng 10, tháng 11 – 12 là 0,3 – 1 cơn bão/tháng ở DHNTB.

+ Khu vực Nam Bộ hầu như không chịu ảnh hưởng của bão nhiệt đới.

* **Bản đồ nhiệt độ:**

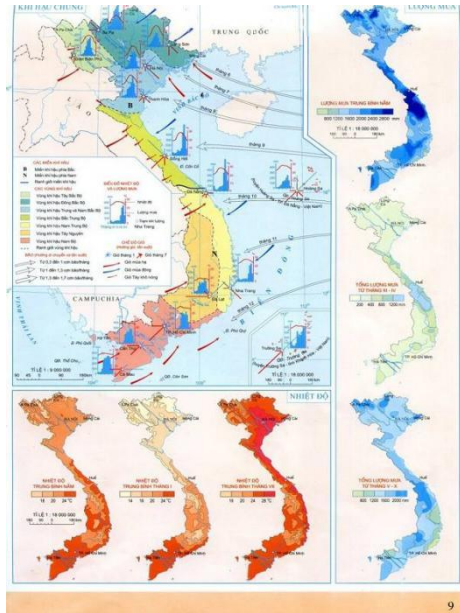
- Hướng dẫn HS nêu được đặc điểm khái về nhiệt độ trung bình trên cả nước, sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam.

- Nhận xét sự khác nhau trong nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7, từ đó giải thích nguyên nhân.

* **Bản đồ lượng mưa:**

- Nhìn vào bản đồ thấy được lượng mưa trung bình trên cả nước

- Giải thích được sự phân hóa mưa giữa 2 mùa ở Việt Nam, và nguyên nhân dẫn tới lượng mưa chênh lệch một số vùng.



Atlas địa lí trang 9: Khí hậu

Câu hỏi 1: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và những kiến thức đã học, hãy trình bày mưa của khu vực Huế và Đà Nẵng. Giải thích tại sao có đặc điểm như vậy.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trang Atlas sử dụng: các trang 9, cùng với kết hợp kiến thức lí thuyết bài 9, 10 SGK – Địa Lí 12

- Chế độ mưa:

- + Là khu vực (các tỉnh) có lượng mưa trung bình năm cao nhất so với các tỉnh của đồng bằng.
- + Có mùa mưa chủ yếu vào mùa đông.
- + Lượng mưa cao nhất vào các tháng 9, 10, 11.
- + Có lượng mưa tháng 10 cao nhất cả nước.

- Giải thích những đặc điểm mưa ở khu vực Huế - Đà Nẵng

- + Khu vực này chịu ảnh hưởng của gió mùa đông qua biển
- + Nằm trước sườn đón gió mùa đông.
- + Tháng 10, 11 là thời kì dải hội tụ nhiệt đới thường án ngữ ở khu vực Huế - Đà Nẵng
- + Sở dĩ mùa hạ ở khu vực này ít mưa là do ảnh hưởng của gió Phơn Tây Nam.
- + Đà Nẵng có mưa ít hơn Huế là do ảnh hưởng của khối núi Bạch Mã.

Câu hỏi 2: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, em hãy cho biết bão hoạt động mạnh nhất vào thời gian nào, ở đâu? Giải thích tại sao bão lại chậm dần từ Bắc vào Nam, và tập trung nhiều nhất ở miền Trung?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trang Atlas sử dụng: các trang 9, cùng với kết hợp kiến thức lí thuyết bài 15 SGK – Địa Lí 12

- Thời gian bão hoạt động: nhìn chung trên toàn quốc bắt đầu từ tháng 6 kết thúc tháng 11. Đôi khi bão đến sớm hơn vào tháng 5 và kết thúc muộn hơn vào

tháng 12 nhưng cường độ yếu. Bão tập trung nhiều nhất vào tháng 9, 10 sau đó là tháng 8.

- Bão ảnh hưởng mạnh nhất của bão: ven biển Trung Bộ, đặc biệt từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi.

- Giải thích thời gian bão chậm dần từ Bắc vào Nam:

- + Bờ biển từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa(bão vào các tháng 6, tháng 7, tháng 8), từ Nghệ An đến Thừa Thiên Huế(bão vào tháng 9) từ Đà Nẵng đến Bình Thuận(bão vào tháng 10, tháng 11).

- + Nguyên nhân: Do sự chuyển động biểu kiến hàng năm của Mặt trời dẫn đến sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới từ Bắc vào Nam.

- Bão tập trung nhiều nhất ở miền Trung:

- + Vì bão lớn nhất ở nước ta vào tháng 9, tháng 10, đây cũng là thời gian bão hình thành trên biển Đông và di chuyển vào vùng biển Miền Trung.

- + Do tác động của gió Tín Phong và gió mùa Tây Nam vào đầu mùa cùng dải hội tụ nhiệt đới.

- + Càng xa xích đạo tác động của lực Coriolit càng mạnh

- + Lãnh thổ miền Trung kéo dài nên thời gian có bão thường kéo dài.

4.5. Sông ngòi

“Sông ngòi là hàm số của khí hậu” nên đây là yếu tố tự nhiên chịu sự ảnh hưởng lớn của các yếu tố khí hậu, địa hình, ngoài ra còn có thực vật và hồ đầm. Đòi hỏi HS khi đọc bản đồ sông ngòi cần kết hợp hai hay nhiều bản đồ để trả lời được cả các câu hỏi vận dụng.

Một số yêu cầu cơ bản khi đọc atlas trang 10:

- Các hệ thống sông lớn (nơi bắt nguồn, hướng chảy, địa hình nơi chảy qua, giá trị kinh tế..)

- Diện tích lưu vực các hệ thống sông

- Lưu lượng nước trung bình của một số hệ thống sông

- Bản đồ chính:

+ Thể hiện các thảm thực vật: rừng kín thường xanh, rừng thưa, rừng tre nứa, rừng ngập mặn, rừng trên núi đá vôi, rừng ôn đới núi cao, rừng trồng, trảng cỏ, cây bụi, thảm thực vật nông nghiệp.

+ Các loài động vật và sự phân bố của chúng.

+ Các khu dự trữ sinh quyển và vườn quốc gia.

– Ở bản đồ phụ thể hiện phân khu địa lí động vật gồm 6 khu:

+ Khu Đông Bắc.

+ Khu Tây Bắc.

+ Khu Bắc Trung Bộ.

+ Khu Trung Trung Bộ.

+ Khu Nam Trung Bộ.

+ Khu Nam Bộ.

Vì vậy khi khai thác ngoài năm được các điểm trên cần nắm thêm mức độ khai thác và các biện pháp bảo vệ.



Câu hỏi: Dựa vào Atlas địa lí Việt nam hãy chứng minh sinh vật ở phần lãnh thổ phía Bắc phong phú, đa dạng? Ảnh hưởng của khí hậu đối với sinh vật phần lãnh thổ phía Bắc như thế nào?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Trang Atlas sử dụng: các trang 12, cùng với kết hợp kiến thức lí thuyết về địa lí tự nhiên.

Atlas địa lí trang 12: Thực vật và động vật

- Sinh vật phong phú đa dạng: Do Việt Nam nằm trên đường di lưu, di cư của các loài sinh vật.

+ Thảm thực vật: rừng kín thường xanh, rừng trồng, rừng tre nứa, thảm thực vật nông nghiệp...

+ Các loài thực vật, động vật phong phú: thực vật (dẻ, re, samu, pơ mu...) động vật (gấu, chồn, vọc, khỉ, nai...) Ngoài ra ở vùng đồng bằng còn trồng được cả các loại rau ôn đới vào mùa đông.

5. Kết quả của sáng kiến

Sau khi hướng dẫn 02 học sinh thuộc đội tuyển HSG Địa Lí năm học 2021 – 2022 về kĩ năng **khai thác kiến thức từ Atlas địa lí Việt Nam trong ôn thi học sinh giỏi** tôi nhận thấy: Trước đây nếu như đa số các HS đã quen thuộc với việc sử dụng Atlas nhưng chỉ thành thạo ở mức độ nhận biết thì sau khi ôn tập xong:

- 100% số học sinh đã biết sử dụng Atlas ở mức độ 2: Học sinh dựa vào màu sắc, kí hiệu, ước hiệu để tìm ra những đặc điểm không thể hiện trực tiếp trên bản đồ.

- 70% đã biết kết hợp nhiều bản đồ và những kiến thức liên quan, đồng thời giải thích các hiện tượng địa lí được thể hiện trên Atlas.

Thay vì phải nhớ hết số liệu trong chương trình học sinh học cách sử dụng số liệu trong Atlas. Đồng thời các em cảm thấy hứng thú hơn, chủ động, tích cực hơn trong lĩnh hội nội dung kiến thức mới. Học sinh biết tự tìm tòi và giải thích các hiện tượng địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế xã hội.

- Tính hiệu quả và khả thi của đề tài đã được khẳng định qua kết quả kì thi HSG các em đã đạt thành tích cao: Trong đó một học sinh đạt giải nhì cấp thành phố và một học sinh đạt giải ba cấp thành phố.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Như vậy để **“Hướng dẫn ôn thi học sinh giỏi lớp 12 phần sử dụng Atlas địa lí Việt Nam chuyên đề địa lí tự nhiên”** cần nắm vững các yêu cầu cơ bản:

- Thứ nhất: yêu cầu các em sử dụng Atlas ngay từ những bài học đầu tiên của môn địa lí Việt Nam, nắm vững những nội dung cơ bản của mỗi trang atlas.

+ Xác định được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ, vùng kinh tế, nêu đặc điểm của các đối tượng địa lí (đất, khí hậu, nguồn nước, khoáng sản, dân cư, dân tộc).

+ Trình bày sự phân bố các đối tượng địa lí.

+ Giải thích sự phân bố các đối tượng địa lí.

+ Phân tích mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí.

- Thứ hai: khi phân tích hoặc đánh giá một đối tượng địa lí cũng cần tái hiện lại những vốn tri thức địa lí đã có vào việc đọc các trang Atlas. Đồng thời với những câu hỏi vận dụng HS cần kết hợp hai hay nhiều bản đồ để tìm ra mối liên hệ giữa các đối tượng địa lí, từ đó giải thích được những hiện tượng địa lí trong đời sống hàng ngày giúp HS vừa hứng thú với môn học, và đạt hiệu quả cao trong các kì thi nhất là kì thi HSG.

Trên đây là những kinh nghiệm thực tiễn của bản thân tôi trong quá trình dạy học địa lí ở THPT và ôn thi HSG. Tuy nhiên trong giới hạn phạm vi của đề tài và nghiên cứu trên kinh nghiệm của bản thân nên không thể tránh khỏi những hạn chế, vì vậy mong các bạn đồng nghiệp đóng góp ý kiến và đưa ra nhiều kinh nghiệm quý báu trong giảng dạy bộ môn Địa Lí để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và phân môn Địa Lí nói riêng.

2. Ý kiến đề xuất

- Đối với giáo viên: cần nhận thức sâu sắc vai trò của Atlas (bản đồ) trong dạy học Địa Lí nói chung và ôn thi HSG nói riêng. Quá trình ôn luyện cần xây dựng đề cương cụ thể vừa bám sát nội dung sách giáo khoa, vừa kết hợp kênh hình, điều này giúp HS vừa nắm vững kiến thức cơ bản vừa biết kết hợp bản đồ để trả lời các câu hỏi vận dụng, giải thích và ứng dụng vào thực tiễn hình thành năng lực giải quyết vấn đề.

- Đối với ban giám hiệu nhà trường và các cấp quản lí giáo dục: Cần tiến hành các buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên môn giúp giáo viên hỗ trợ nhau, cùng trao đổi kinh nghiệm trong quá trình ôn tập. Xây dựng thư viện có nhiều tài liệu hay và hữu ích cho cả giáo viên giảng dạy và HS ôn tập.